

Số: 1066 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 15 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 331/TTr-SNNMT ngày 11/6/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

- Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.
- Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông đối với các thủ tục hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây dựng, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các nội dung sau hết hiệu lực: thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02 tại Mục I Phụ lục I và toàn bộ Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Nhàn**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN**  
**GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 1066/QĐ-UBND, ngày 15/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

| Số TT | Số hồ sơ TTHC              | Tên TTHC sửa đổi, bổ sung                           | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                  | Cách thức thực hiện                                                                                                                                                                                                                                 | Căn cứ pháp lý <sup>1</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------|----------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01    | 1.004943.00<br>0.00.00.H37 | <b>Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản</b> | <p>- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);</p> <p>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.</p> | <p>- <b>Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ xã, phường.</p> <p>- <b>Cơ quan thực hiện:</b> Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.</p> <p>- <b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Chủ tịch UBND tỉnh</p> | <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp.</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ:<br/><a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> | <p>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</p> <p>- Điều 12 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026;</p> <p>- <i>Mục III Phần A Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026.</i></p> |
| 02    | 1.004683.00                | <b>Công nhận kết</b>                                | - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | - <b>Cơ quan tiếp</b>                                                                                                                                                                                                                               | - Tiếp nhận hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                   | - Luật Thủy sản số                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

<sup>1</sup> Phần in nghiêng là tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung.

| Số TT | Số hồ sơ TTHC | Tên TTHC sửa đổi, bổ sung                                                              | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                  | Cách thức thực hiện                                                                                                                                                                                                               | Căn cứ pháp lý <sup>1</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       | 0.00.00.H37   | <b>quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản</b> | <p>được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, phê duyệt đề cương khảo nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);</p> <p>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.</p> | <p><b>nhận và trả kết quả:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường.</p> <p>- <b>Cơ quan thực hiện:</b> Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.</p> <p>- <b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Chủ tịch UBND tỉnh</p> | <p>và trả kết quả trực tiếp.</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ:<br/><a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a></p> | <p>18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</p> <p>- Điều 17, Điều 18 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026;</p> <p>- <i>Mục II Phần A Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026</i></p> |

\_\_\_\_\_

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ**  
**TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT**  
**CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN**  
**GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 1066 /QĐ-UBND, ngày 15 /6/2026 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

**Phần I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH**  
**NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (02**  
**TTHC)**

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                        | Ghi chú                                                                                        |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản                                                  | - Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Sở Nông nghiệp và Môi trường.<br>- Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 02  | Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản |                                                                                                |

**Phần II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG**

**CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT**

- Trung tâm phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức một cửa: CCMC
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Chăn nuôi và thủy sản: CN&TS
- Chăn nuôi, thú y và thủy sản: CN,TY&TS
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT

**I. Nhóm 02 TTHC:**

1. Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.
  2. Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.
- Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc.

| TT        | Trình tự                                                                                                                                                                                                 | Trách nhiệm thực hiện                   | Thời gian thực hiện     |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Giai đoạn 1. Phê duyệt đề cương khảo nghiệm</b>                                                                                                                                                       |                                         | <b>07 ngày làm việc</b> |
| B1        | Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; cấp giấy biên nhận và hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng CN&TS, Chi cục CN, TY&TS | CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường        | 1/4 ngày                |
| B2        | Phân công xử lý hồ sơ đề nghị phê duyệt đề cương khảo nghiệm                                                                                                                                             | Lãnh đạo phòng CN&TS                    | 1/4 ngày                |
| B3        | Thẩm định hồ sơ; dự thảo Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm, cấp phép nhập khẩu sản phẩm khảo nghiệm nếu là sản phẩm nhập khẩu hoặc văn bản không đạt yêu cầu                                     | Chuyên viên phòng CN&TS                 | 02 ngày                 |
| B4        | Xem xét kết quả xử lý hồ sơ; kiểm tra dự thảo Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm hoặc văn bản không đạt yêu cầu; trình Lãnh đạo Chi cục                                                           | Lãnh đạo phòng CN&TS                    | 1/2 ngày                |
| B5        | Xem xét hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT                                                                                                                                                                   | Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS              | 01 ngày                 |
| B6        | Xem xét hồ sơ; ký tờ trình trình UBND tỉnh xem xét, quyết định                                                                                                                                           | Lãnh đạo Sở NN&MT                       | 01 ngày                 |
| B7        | Vào sổ văn bản; phát hành hồ sơ trình UBND tỉnh                                                                                                                                                          | Văn thư Sở NN&MT                        | 1/2 ngày                |
| B8        | Xem xét, phê duyệt Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm hoặc văn bản không đạt yêu cầu; chuyển kết quả về cơ quan tham mưu                                                                          | Chủ tịch UBND tỉnh                      | 01 ngày                 |
| B9        | Nhận kết quả và gửi Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm về Bộ NN&MT                                                                                                                                | Văn thư Chi cục/Chuyên viên phòng CN&TS | 1/2 ngày                |
| <b>II</b> | <b>Giai đoạn 2. Công nhận kết quả khảo nghiệm</b>                                                                                                                                                        |                                         | <b>08 ngày làm việc</b> |
| B10       | Tiếp nhận báo cáo kết quả khảo nghiệm; cập nhật hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng CN&TS                                                                     | Văn thư Chi cục/Chuyên viên phòng CN&TS | 1/4 ngày                |

|                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                         |                                           |                                                                                                |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B11                                                             | Phân công xử lý báo cáo kết quả khảo nghiệm                                                                                                                                                                                             | Lãnh đạo phòng CN&TS                      | 1/4 ngày                                                                                       |
| B12                                                             | Tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm; rà soát báo cáo kết quả khảo nghiệm; hoàn thiện hồ sơ; dự thảo Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm hoặc văn bản không công nhận                                                              | Đoàn đánh giá/Chuyên viên phòng CN&TS     | 03 ngày                                                                                        |
| B13                                                             | Kiểm tra kết quả; xem xét nội dung dự thảo; trình Lãnh đạo Chi cục                                                                                                                                                                      | Lãnh đạo phòng CN&TS                      | 1/2 ngày                                                                                       |
| B14                                                             | Xem xét hồ sơ; trình Lãnh đạo Sở NN&MT                                                                                                                                                                                                  | Lãnh đạo Chi cục CN, TY&TS                | 1/2 ngày                                                                                       |
| B15                                                             | Xem xét hồ sơ; ký tờ trình trình UBND tỉnh xem xét, quyết định                                                                                                                                                                          | Lãnh đạo Sở NN&MT                         | 01 ngày                                                                                        |
| B16                                                             | Vào sổ văn bản; phát hành hồ sơ trình UBND tỉnh                                                                                                                                                                                         | Văn thư Sở NN&MT                          | 1/2 ngày                                                                                       |
| B17                                                             | Xem xét, ban hành Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm hoặc văn bản không công nhận; chuyển kết quả đến TTPVHCC                                                                                                                     | Chủ tịch UBND tỉnh                        | 02 ngày                                                                                        |
| B18                                                             | Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thống kê theo dõi                                                                                                                                                                                     | CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường          | Không tính thời hạn                                                                            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện TTHC (giai đoạn 1+ giai đoạn 2)</b> |                                                                                                                                                                                                                                         |                                           | <b>15 ngày làm việc</b>                                                                        |
| <b>III</b>                                                      | <b>Giai đoạn 3. Sau ban hành Quyết định công nhận</b>                                                                                                                                                                                   |                                           |                                                                                                |
| B19                                                             | Thông báo công khai Quyết định công nhận trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử; gửi Quyết định công nhận giống thủy sản/kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã khảo nghiệm về Bộ NN&MT | Chi cục CN, TY&TS/Chuyên viên phòng CN&TS | Trong 01 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định; không tính vào thời hạn giải quyết TTHC |